Trung A Ham - Thich Tue Sy dich (81)

Kinh A Hàm — Trung A Hàm

Trung A Ham - Thich Tue Sy dich

Thư mục BuddhaSasana

Lưu ý: Đọc với phông chữ CN-Times nâng cấp hay Arial Unicode MS

Trung A H m Kinh

Mục Lục Tổng Quát

01. PHẨM BẢY PHÁP

02. PHẨM NGHIỆP TƯƠNG ƯNG

03. PHẨM XÁ-LÊ TỬ TƯƠNG ƯNG

04. PHẨM VỊ TẰNG HỮU PHÁP

05. PHẨM TẬP TƯƠNG ƯNG

06. PHẨM VƯƠNG TƯƠNG ƯNG

07. PHẨM TRƯỜNG THỌ VƯƠNG

08. PHẨM UẾ

09. PHẨM NHÂN

10. PHẨM LÂM

107. Kinh Lâm (I)

108. Kinh Lâm (II)

109. Kinh Tự Quán Tâm (I)

110. Kinh Tự Quán Tâm (II)

111. Kinh Đạt Phạm Hạnh

112. Kinh A-Nô-Ba

113. Kinh Chư Pháp Bổn

114. Kinh Ưu-Đà-La

115. Kinh Mật Hoàn Dụ

116. Kinh Cù-Đàm-Di

11. PHẨM ĐẠI (Phần đầu)

12. PHẨM PHẠM CHÍ (Phần đầu)

12. PHẨM PHẠM CHÍ (Phần sau)

13. PHẨM CĂN BỔN PHÂN BIỆT

14. PHẨM TÂM

15. PHẨM SONG

16. PHẨM ĐẠI (Phần sau)

17. PHẨM BÔ-ĐA-LỢI

18. PHẨM LỆ

Source: LotusMedia lotusmedia.net

KINH TRUNG A HÀM

Hán Dịch: Phật Đà Da Xá & Trúc Phật Niệm, Việt Dịch & Hiệu Chú: Thích Tuệ Sỹ

10. PHẨM LÂM 113. KINH CHƯ PHÁP BỔN [1] T ôi nghe như vầy.

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có dị đạo đến hỏi các ông ‘Tất cả các pháp lấy gì làm gốc?’ thì các ông nên trả lời họ như thế này: ‘Tất cả các pháp lấy dục làm gốc’.

“Nếu lại hỏi, ‘Lấy gì làm hòa hiệp?’ thì nên đáp như vầy, ‘Lấy xúc làm hòa hiệp [02] ’.

“Nếu lại hỏi, ‘Lấy gì làm dẫn khởi?’ thì nên đáp như vầy, ‘Lấy thọ làm dẫn khởi [03] ’.

“Nếu lại hỏi, ‘Lấy gì làm hữu?’ thì nên đáp như vầy, ‘Lấy tư tưởng làm hữu [04] “.

“Nếu lại hỏi, ‘Lấy gì làm thượng thủ?’ thì nên đáp như vầy: “Lấy niệm làm thượng thủ’.

“Nếu lại hỏi, ‘Lấy gì làm tiền đạo?’ thì nên đáp như vầy, ‘Lấy định làm tiền đạo”.

“Nếu lại hỏi, ‘Lấy gì làm tối thượng?’ thì nên đáp như vầy, ‘Lấy tuệ làm tối thượng.’

“Nếu lại hỏi, ‘Lấy gì làm chắc thật?’ thì nên đáp như vầy, ‘Lấy giải thoát làm chắc thật’.

“Nếu lại hỏi, ‘Lấy gì làm ý nghĩa?’ thì nên đáp như vầy, ‘Lấy Niết-bàn làm ý nghĩa’.

“Tỳ-kheo, đó là, dục là gốc của các pháp, xúc là hòa hiệp của các pháp, thọ là dẫn khởi của các pháp, tư tưởng là hữu của các pháp, niệm là thượng thủ của các pháp, định là tiền đạo của các pháp, tuệ là tối thượng của các pháp, giải thoát là chắc thật của các pháp, và Niết-bàn là ý nghĩa của các pháp. Tỳ-kheo, hãy nên học tập như vậy.

“Tích tập tâm xuất gia học đạo [05] , tích tập tưởng vô thường, tích tập tưởng vô thường nên khổ, tích tập tưởng khổ nên vô ngã, tích tập tưởng bất tịnh, tích tập tưởng thức ăn ghê tởm [06] , tích tập tưởng tất cả thế gian không có gì hoan lạc, tích tập tưởng về sự chết.

“Biết sự tốt xấu của thế gian [07] ; tâm được tích tập với tưởng như vậy [08] . Biết tập hữu của thế gian [09] ; tâm được tích tập với tưởng như vậy. Biết như thật sự tập khởi, diệt tận, vị ngọt, tai hoạn và sự xuất yếu của thế gian; tâm được tích tập với tưởng như

vậy. Nếu Tỳ-kheo tích tập được tâm xuất gia học đạo, tích tập được tưởng vô thường, tích tập được tưởng vô thường nên khổ, tích tập được tưởng khổ nên vô ngã, tích tập được tưởng bất tịnh, tích tập được tưởng thức ăn ghê tởm, tích tập được tưởng tất cả thế gian không có gì hoan lạc, tích tập được tưởng về sự chết. Biết sự tốt xấu của thế gian; tâm đã được tích tập với tưởng như vậy. Biết tập hữu của thế gian; tâm đã được tích tập với tưởng như vậy. Biết như thật sự tập khởi, diệt tận, vị ngọt, tai hoạn và sự xuất yếu của thế gian; tâm đã được tích tập với tưởng như vậy; đó được gọi là Tỳ-kheo đoạn ái, trừ kết; đã chánh tri, chánh quán các pháp rồi liền được tận cùng sự khổ.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

-ooOoo-

Chú thích:

[01] Bản Hán, quyển 28. Tương đương Pāli, A. 8. 83. Mūla, 10. 58 Mūla; tham chiếu, A. 10. 59 Pabbajjā. Hán, biệt dịch, No.59. [02] Hán: dĩ cánh lạc vi hòa . Pāli: vedanā-samosaraṇā, hòa hiệp (kết hợp) là thọ. Xem cht. dưới. [03] Dĩ hà vi lai . Pāli: phassa-samudayā, xúc là tập khởi. Xem cht. trên. [04] Dĩ tư tưởng vi hữu . Pāli: manasikāra-saṃbhavā, tác ý là sanh khởi (hữu). [05] Tập đắc xuất gia học đạo chi tâm . Pāli: yathāpabbajjā- paricitañca cittam. Tập trong bản Hán phù hợp với paricita trong bản Pāli, nên hiểu là tích tập, thay vì là tập khởi. [06] Ác thực tưởng . [07] Tri thế gian hảo ố . Pāli: lokassa samañ ca asamañ ca ñatvā, biết sự chánh hay bất chánh (bình đẳng hay không bình đẳng) của thế gian. [08] Tập như thị tưởng tâm . Pāli: taṃsaññāparicitañca cittaṃ. [09] Tri thế gian tập hữu . Pāli: lokassa samudayañ ca atthaṅgamañca ñatvā, biết sự tập khởi và hoại diệt của thế gian.

-ooOoo-

trang trước

đầu trang

trang kế

[Thư mục BuddhaSasana]

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.